

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **08** /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Kế hoạch của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Mục tiêu, sản phẩm và tiến độ thực hiện

1. Mục tiêu

a) Đơn giản hóa và cắt giảm tối thiểu 25% chi phí tuân thủ đối với 13 nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan nêu tại Mục I của Kế hoạch.

b) 100% thủ tục hành chính tại các cấp chính quyền được chuẩn hóa và kịp thời công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết đồng bộ, thống nhất tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

2. Sản phẩm

a) Báo cáo về phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan trong nhóm thuộc phạm vi chức năng quản lý, giải quyết của từng cơ quan chủ trì, phối hợp theo phân công tại Kế hoạch.

b) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ kèm theo phương án đơn giản hóa đối với các nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

c) Văn bản quy phạm pháp luật của các Bộ, ngành ban hành theo thẩm quyền hoặc dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trình cấp có thẩm quyền ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa đối với nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d) Các thủ tục hành chính đã được chuẩn hóa, công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

đ) Báo cáo sơ kết tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015.

3. Tiến độ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể

a) Tiến độ thực hiện đơn giản hóa 13 nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan nêu tại Mục I của Kế hoạch.

- Hệ thống hóa danh mục thủ tục hành chính, quy định liên quan:

+ Hoàn thành thống kê thủ tục hành chính, quy định liên quan trong nhóm thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ, ngành chủ trì tổng hợp trước ngày 31 tháng 01 năm 2015;

+ Hoàn thành hệ thống hóa nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan để thống nhất triển khai trước ngày 15 tháng 02 năm 2015.

- Nghiên cứu, đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính:

+ Hoàn thành nghiên cứu, đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính và gửi cho Bộ, ngành chủ trì trước ngày 31 tháng 5 năm 2015;

+ Hoàn thành việc lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính, đối tượng tuân thủ về phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trước ngày 30 tháng 6 năm 2015.

- Xem xét, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính:

+ Hoàn thành dự thảo Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch và phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính gửi Bộ Tư pháp xem xét, đánh giá trước ngày 31 tháng 7 năm 2015;

+ Hoàn thành việc xem xét, đánh giá phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính và gửi Bộ, ngành chủ trì trước ngày 31 tháng 8 năm 2015.

- Chính lý, hoàn thiện Báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch, dự thảo Quyết định kèm theo phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 9 năm 2015.

- Hoàn thành việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, theo trình tự, thủ tục rút gọn trước ngày 31 tháng 12 năm 2015.

b) Tiến độ thực hiện 02 nhóm nhiệm vụ nêu tại Mục II của Kế hoạch

- Đối với Bộ, ngành:

+ Hoàn thành việc lập danh mục và chuẩn hóa tên thủ tục hành chính trong phạm vi rà soát, hệ thống, chuẩn hóa trước ngày 30 tháng 4 năm 2015;

+ Hoàn thành việc xây dựng, ban hành quyết định công bố thủ tục hành chính theo danh mục, gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tổ chức việc bổ sung, hoàn chỉnh bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của địa phương; đồng thời hoàn thành việc nhập dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính trước ngày 31 tháng 8 năm 2015;

+ Thực hiện niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính ngay sau khi quyết định công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa theo từng cấp giải quyết được ban hành, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2015.

- Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

+ Rà soát, hệ thống, bổ sung, hoàn chỉnh và ban hành quyết định công bố bộ thủ tục hành chính thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết của địa phương theo từng cấp giải quyết trên cơ sở quyết định công bố thủ tục hành chính đã được Bộ, ngành chuẩn hóa theo thẩm quyền; đồng thời chuẩn hóa dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; hoàn thành trước ngày 30 tháng 11 năm 2015;

+ Thực hiện niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính ngay sau khi quyết định công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa theo từng cấp giải quyết được ban hành, hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Điều 3. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của các Bộ, ngành

a) Căn cứ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong năm 2014 liên quan đến cải cách thủ tục hành chính về thuế, hải quan, đầu tư, đất đai, xây dựng,... và các thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính cần ưu tiên đơn giản hóa thuộc thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, các Bộ, ngành xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2015 thuộc phạm vi chức năng quản lý, theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

b) Các Bộ, ngành chủ trì có trách nhiệm:

- Thành lập Tổ công tác giúp Bộ trưởng thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch đối với những nhóm thủ tục hành chính có liên quan từ hai Bộ, ngành trở lên. Tổ công tác do đại diện lãnh đạo Bộ, ngành chủ trì là Tổ trưởng; thành viên là đại diện lãnh đạo cấp Vụ có liên quan trở lên của các Bộ, ngành phối hợp, đại diện thành viên Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính.

Căn cứ vào yêu cầu của công việc, Tổ công tác huy động chuyên gia để hỗ trợ quá trình nghiên cứu đơn giản hóa thủ tục hành chính.

- Hệ thống hóa thủ tục hành chính và văn bản có liên quan; rà soát, đánh giá, xây dựng phương án đơn giản hóa đối với nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan được giao chủ trì nêu tại Mục I của Kế hoạch; gửi lấy ý kiến Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án đơn giản hóa; dự thảo văn bản quy phạm pháp luật để ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành để thực thi phương án đơn giản hóa sau khi được phê duyệt.

c) Các Bộ, ngành phối hợp có trách nhiệm tổ chức thực hiện và phối hợp với cơ quan chủ trì để thống kê, đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính, quy định liên quan thuộc phạm vi, chức năng quản lý nêu tại Mục I của Kế hoạch; cử đại diện tham gia Tổ công tác; gửi kết quả cho Bộ, ngành chủ trì để tổng hợp danh mục, nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính của nhóm, đồng thời gửi Bộ Tư pháp nghiên cứu phục vụ quá trình xem xét, đánh giá.

d) Rà soát, hệ thống, chuẩn hóa dữ liệu thủ tục hành chính trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính nêu tại Khoản 1 Mục II của Kế hoạch, theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

đ) Thực hiện công bố, công khai và cập nhật toàn bộ thủ tục hành chính hiện hành thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực được thực hiện tại các cấp chính quyền đã được chuẩn hóa, công bố vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết công khai tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính nêu tại Khoản 2 Mục II của Kế hoạch, theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Căn cứ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này và chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong năm 2014 liên quan đến cải cách thủ tục hành chính về thuế, hải quan, đầu tư, đất đai, xây dựng,... và các thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính cần ưu tiên đơn giản hóa thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các địa phương xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết, theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

b) Phối hợp với các Bộ, ngành triển khai Kế hoạch; tham gia ý kiến về phương án đơn giản hóa của các Bộ, ngành.

c) Rà soát, hệ thống, bổ sung, chuẩn hóa và thực hiện công bố, công khai toàn bộ thủ tục hành chính hiện hành thuộc phạm vi, thẩm quyền giải quyết nêu tại Mục II của Kế hoạch, theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

3. Trách nhiệm của Bộ Tư pháp

a) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các Bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo về những khó khăn, vướng mắc, đề xuất kiến nghị của Bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai Kế hoạch; yêu cầu các Bộ, ngành nghiên cứu, xem xét lại phương án đơn giản hóa nếu không đạt mục tiêu đề ra.

b) Chủ trì, phối hợp với Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính, các Bộ, ngành, địa phương có liên quan nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách đối với từng nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan báo cáo Thủ tướng Chính phủ và gửi các cơ quan chủ trì nghiên cứu tiếp thu, hoàn thiện phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính.

c) Chủ trì, phối hợp với Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính và các Bộ, ngành, địa phương xem xét, đánh giá tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch của Bộ, ngành, địa phương; đôn đốc, kiểm tra việc thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

d) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành, địa phương tổ chức sơ kết việc thực hiện Kế hoạch; báo cáo, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ khen thưởng hoặc chấn chỉnh các Bộ, ngành, địa phương thực hiện tốt hoặc không thực hiện nghiêm túc Kế hoạch này.

đ) Hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức báo cáo sơ kết tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015; hoàn thành công tác sơ kết việc thực hiện Kế hoạch trong Quý I năm 2016 và báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Trách nhiệm của Văn phòng Chính phủ

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành liên quan trong quá trình xem xét, thẩm tra phương án đơn giản hóa của các nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan nêu tại Mục I của Kế hoạch.

b) Phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc nghiên cứu sáng kiến cải cách đối với các nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan nêu tại Mục I của Kế hoạch; kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ có biện pháp chấn chỉnh đối với các Bộ, ngành, địa phương không thực hiện đúng tiến độ, chất lượng và mục tiêu được giao.

5. Trách nhiệm của Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính và các cơ quan, tổ chức phối hợp khác

a) Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính phối hợp với Bộ Tư pháp nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách đối với từng nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan; xem xét, đánh giá phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính của các Bộ, ngành; cử đại diện tham gia Tổ công tác thực hiện Kế hoạch của các Bộ, ngành.

b) Các cơ quan, tổ chức phối hợp khác tổ chức nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách đối với từng nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan gửi các cơ quan chủ trì nghiên cứu, hoàn thiện phương án đơn giản hóa.

Điều 4. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn kinh phí thường xuyên của các Bộ, ngành, địa phương cho hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015. Ngoài ngân sách nhà nước, các Bộ, ngành, địa phương được huy động các nguồn lực tài chính khác theo quy định của pháp luật để hỗ trợ các hoạt động tại Kế hoạch.

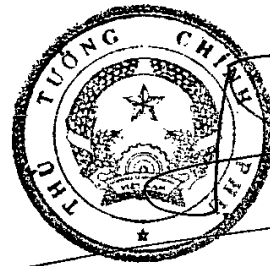
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính, người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;
- Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam;
- Các Bệnh viện: Bạch Mai, Việt Đức, Chợ Rẫy, 103;
- Các Trường Đại học: Bách Khoa Hà Nội, Kinh tế quốc dân, Y Hà Nội, Quốc gia Hà Nội, Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh;
- Các Học viện: Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hành chính quốc gia;
- Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng ngoài công lập;
- Hiệp hội In Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: KTTH, KTN, KGVX, NC, PL;
- HDTV cải cách TTHC;
- Lưu: Văn thư, TCCV (3b).

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng



KẾ HOẠCH
ĐONG GIẢN THỰC THỰC HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM NĂM 2015

*Thực hiện theo Quyết định số 08 /QĐ-TTg
ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ)*

STT	NỘI DUNG	CƠ QUAN THỰC HIỆN	
		CHỦ TRÌ	PHỐI HỢP
I NHÓM THỰC THỰC HÀNH CHÍNH, QUY ĐỊNH LIÊN QUAN			
1.	Nhóm thực thực hành chính, quy định liên quan đến xuất khẩu thủy sản từ giai đoạn nuôi trồng, khai thác, nhập khẩu nguyên liệu, chế biến đến xuất khẩu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<ul style="list-style-type: none">- Bộ Tài chính;- Bộ Giao thông vận tải;- Bộ Tài nguyên và Môi trường;- Bộ Tư pháp;- Hội đồng Tư vấn cải cách thực thực hành chính (CCTTHC);- Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.
2.	Nhóm thực thực hành chính, quy định liên quan đến sản xuất, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật trên cạn từ khi nuôi/sử dụng con giống đến phân phối, xuất khẩu.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<ul style="list-style-type: none">- Bộ Tài chính;- Bộ Tài nguyên và Môi trường;- Bộ Công Thương;- Bộ Tư pháp;- Hội đồng Tư vấn CCTTHC;- Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.
3.	Nhóm thực thực hành chính, quy định liên quan đến công nhận giống, sản phẩm vật tư nông nghiệp mới, tiến bộ khoa học kỹ thuật từ khi sản xuất hoặc nhập khẩu để khảo nghiệm, thử nghiệm, phân tích đến khi công nhận.	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	<ul style="list-style-type: none">- Bộ Khoa học và Công nghệ;- Bộ Tài chính;- Bộ Công Thương;- Bộ Tư pháp;- Hội đồng Tư vấn CCTTHC;- Trung ương Hội Nông dân Việt Nam;- Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.
4.	Nhóm thực thực hành chính, quy định liên quan đến hoạt động của các cơ sở in.	Bộ Thông tin và Truyền thông	<ul style="list-style-type: none">- Bộ Công an;- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Bộ Tài chính;- Bộ Tư pháp;- Hội đồng Tư vấn CCTTHC;- Hiệp hội In Việt Nam.
5.	Nhóm thực thực hành chính, quy định liên quan đến cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ khi có quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư đến khi đi vào hoạt động.	Bộ Y tế	<ul style="list-style-type: none">- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;- Bộ Tài chính;- Bộ Tư pháp;- Hội đồng Tư vấn CCTTHC.

6.	Nhóm thủ tục, quy định liên quan đến khám, chữa bệnh cho người dân.	Bộ Y tế	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Tài chính; - Bộ Tư pháp; - Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; - Hội đồng Tư vấn CCTTHC; - Các bệnh viện: Bạch Mai, Việt Đức, Chợ Rẫy, 103; - Trường Đại học Y Hà Nội.
7.	Nhóm thủ tục, quy định liên quan đến tuyển sinh, đào tạo đại học và sau đại học.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Tư pháp; - Hội đồng Tư vấn CCTTHC; - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; - Học viện Hành chính quốc gia; - Đại học quốc gia Hà Nội; - Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh; - Trường Đại học Bách khoa Hà Nội; - Trường Đại học Kinh tế quốc dân; - Hiệp hội các trường đại học và cao đẳng Việt Nam.
8.	Nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến chế độ ưu đãi về giáo dục đối với người có công với cách mạng và con của họ đang học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Bộ Tài chính; - Bộ Tư pháp; - Ủy ban Dân tộc; - Hội đồng Tư vấn CCTTHC.
9.	Nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến quản lý biên giới trong xuất cảnh, nhập cảnh tại cửa khẩu cảng biển và cửa khẩu biên giới đất liền.	Bộ Quốc phòng	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Công an; - Bộ Tài chính; - Bộ Y tế; - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Bộ Giao thông vận tải; - Bộ Tư pháp.
10.	Nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công an.	Bộ Công an	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Bộ Y tế; - Bộ Công Thương; - Bộ Xây dựng; - Bộ Quốc phòng; - Bộ Tài chính; - Bộ Tư pháp; - Hội đồng Tư vấn CCTTHC.

11.	Nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến tuyển dụng, nâng ngạch đối với công chức; tuyển dụng, nâng ngạch, bổ nhiệm, đề bạt đối với viên chức.	Bộ Nội vụ	- Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; - Bộ Y tế; - Bộ Tài chính; - Bộ Tư pháp; - Hội đồng Tư vấn CCTTHC.
12.	Nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến lý lịch tư pháp.	Bộ Tư pháp	- Bộ Công an; - Hội đồng Tư vấn CCTTHC.
13.	Nhóm thủ tục hành chính, quy định liên quan đến yêu cầu nộp bản sao giấy tờ có công chứng, chứng thực.	Bộ Tư pháp	- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; - Hội đồng Tư vấn CCTTHC.
II	NHÓM NHIỆM VỤ LIÊN QUAN ĐẾN RÀ SOÁT, CHUẨN HÓA VÀ CÔNG KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH		
1.	Rà soát, chuẩn hóa, công bố, công khai thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý và thẩm quyền giải quyết của Bộ, ngành, địa phương trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.	- Các Bộ, ngành; - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Bộ Tư pháp.
2.	Niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính được giải quyết tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	- Các Bộ, ngành; - Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	Bộ Tư pháp.